

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày: 05/7/2024

*“Về việc tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Trọng và bà Bùi Minh Diệu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số 01/2024/TLST - KDTM ngày 10/01/2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST- KDTM, ngày 30/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST- KDTM ngày 18/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV T1;

Địa chỉ: Thửa đất số 215, tờ bản đồ số 42, ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Ngọc T- Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty L2

Địa chỉ: Số D H, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị D- Giám đốc; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: ông Z, GUO HUA, sinh ngày 26/3/1969; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu nước ngoài số: EJ6828799; cấp ngày 08/3/2023; Nơi cấp Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam; Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 02/01/2022 Công ty TNHH MTV T1 (gọi tắt là công ty T1) và công ty TNHH M (viết tắt là công ty M) ký kết Hợp đồng nguyên tắc nội dung thỏa thuận về tên hàng, chất lượng, thời gian giao hàng, số lượng, giá cả và hình thức thanh toán. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022. Phía công ty T1 Bắc S lập 02 Hợp đồng gửi cho công ty M 01 bản để người đại diện theo pháp luật công ty M ký chuyển lại cho công ty T1, tuy nhiên, công ty M không chuyển lại nên công ty T1 chỉ còn lưu giữ 01 Hợp đồng có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty T1 giao nộp cho Tòa án. Công ty T1 đã nhiều lần thực hiện việc mua bán hàng hóa như: dầu bóng, dầu lập thể, chất khô, dao gặt mực... cho phía công ty M. Theo thỏa thuận sau mỗi lần mua bán hàng hóa, công ty T1 giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Trong vòng 03 ngày công ty M có nghĩa vụ chuyển khoản tiền hàng vào số tài khoản của công ty T1. Trong năm 2022 công ty T1 đã bán hàng và xuất 04 hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty M (đã bao gồm 10% thuế GTGT) Cụ thể :

- Ngày 29/01/2022 hóa đơn số 0000334 với số tiền là 114.443.000 đồng (*Một trăm mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).
- Ngày 26/02/2022 hóa đơn số 0000380 với số tiền là 28.776.000 đồng (*Hai mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).
- Ngày 16/6/2022 hóa đơn số 147 với số tiền là 101.095.500 (*Một trăm linh một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*).
- Ngày 30/6/2022 hóa đơn số 206 với số tiền là 11.880.000 đồng (*Mười một triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tổng số tiền hàng và tiền thuế giá trị gia tăng của bốn hóa đơn trên là 256.194.500 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm đồng*).

Toàn bộ số hàng hóa trong bốn hóa đơn trên công ty M đã nhận đủ (có phiếu giao hàng) và đưa vào sản xuất, kinh doanh. Công ty T1 sau khi bán hàng và xuất hóa đơn, cũng đã phải nộp số tiền thuế 10% vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Công ty T1 đã đồng ý cho công ty M chậm trả tiền bốn hóa đơn trên trong vòng 01 tháng so với những lần khác, Tuy nhiên, quá nhiều lần hẹn trả nợ nhưng công ty M cố tình lẩn tránh, chậm trễ thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền 256.194.500 đồng.

Nay công ty T1 yêu cầu công ty M có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền nợ gốc là 256.194.500 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 01/8/2022 theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc Thụ lý vụ án và xác minh tại địa chỉ có trụ sở của công ty M, UBND xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương,

Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương, Cục Quản lý XNC- Bộ Công an đều xác định công ty M không có sự thay đổi địa chỉ; người đại diện theo pháp luật của công ty M đã xuất cảnh về nước và không ủy quyền cho ai. Tòa án đến trụ sở của công ty M để làm việc với ông Phạm Thành L1- giám đốc công ty T2. Ông L1 xác định công ty M ký Hợp đồng thuê văn phòng, nhà xưởng của công ty T2 từ tháng 5/2019. Công ty M hoạt động đến tháng 6/2023 thì dừng hoạt động do kinh doanh không có hiệu quả. Nợ lương người lao động dẫn đến người lao động đình công nhiều lần, chính quyền địa phương phải can thiệp. Ngoài ra, công ty M còn nợ thuế Nhà nước không trả được. Kể từ thời điểm công ty dừng hoạt động đến nay người đại diện theo pháp luật là ông Zhu Guo H đã bỏ trốn về nước (Trung Quốc). Hiện nay, văn phòng, nhà xưởng đã thanh lý Hợp đồng trả lại cho công ty T2. Tài sản, máy móc của công ty M đã chuyển đi đâu thì ông không nắm được, công nhân công ty M đã chuyển sang công ty khác làm việc, Do công ty Phi Đức L còn nợ lương công nhân nên công ty ông đã hỗ trợ 50% lương để họ tìm công việc mới. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng và tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn giao nộp tại địa chỉ trụ sở công ty M theo đúng quy định pháp luật. Công ty M không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu phía công ty M có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 256.194.500 đồng và không yêu cầu phía công ty Phi Đức L có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11, 24, 50, 55, 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu giải quyết tính lãi trên số nợ gốc của công ty TNHH MTV T1 đối với bị đơn Công ty TNHH M về việc “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1 đối với bị đơn công ty TNHH M về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc công ty TNHH M có trách nhiệm thanh toán cho công ty TNHH MTV T1 tổng số tiền nợ gốc 256.194.500 đồng.

Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 12.810.000 đồng.

Hoàn trả cho công ty TNHH MTV T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 0003488, ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Công ty T1 khởi kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn công ty M. Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai công ty đều có đăng ký kinh doanh và vì mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại Thôn D, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương nên quan hệ tranh chấp được xác định là Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập bị đơn- công ty M đến làm việc, tham gia phiên họp song bị đơn- công ty M đều vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn- công ty T1 đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: công ty T1 đồng ý cho công ty M chậm trả tiền hàng đối với 04 hóa đơn giá trị gia tăng vào ngày 29/01/2022, 26/02/2022, 16/6/2022 và 30/6/2022. Đến thời hạn công ty M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Như vậy, thời điểm công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được tính từ ngày 15/7/2022 (theo bảng đối chiếu công nợ ngày 15/6/2022 thì công nợ phía công ty M có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 30 ngày). Theo giấy xác nhận đã nhận đơn khởi kiện số 01/GXN- TA, ngày 05/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang và căn cứ vào Điều 249 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của công ty T1 còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo quan điểm của nguyên đơn, Thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được, Thông báo kết quả

phiên họp, kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho đại diện theo pháp luật của công ty M nhưng đại diện theo pháp luật của công ty M đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, HĐXX sẽ xem xét, giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập.

[2.2] Xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán (Hợp đồng nguyên tắc 0040/HĐNT 2022, ngày 02/01/2022 là sự thỏa thuận giữa công ty T1 và công ty M về việc cung cấp các sản phẩm sơn, mực in, chất làm cứng, chất xử lý các loại...theo từng đơn đặt hàng của công ty M được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai công ty, là hoạt động thương mại của các bên, thông qua Hợp đồng kinh tế, trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm giao kết. Do vậy, có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong Hợp đồng kể từ ngày ký kết.

[2.3] Xét việc công ty T1 yêu cầu công ty M phải thanh toán số tiền 256.194.500 đồng tiền hàng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa (Hợp đồng nguyên tắc 0040/HĐNT 2022, ngày 02/01/2022). Đối chiếu với Hợp đồng mua bán hàng hóa trên, Phiếu giao hàng và bảng đối chiếu công nợ thì công ty T1 đã giao hàng đầy đủ đúng về số lượng, chất lượng, tên loại hàng hóa theo đơn đặt hàng của công ty M, địa điểm giao hàng tại công ty M. Công ty M đã kiểm tra hàng hóa và xác định số lượng, chất lượng hàng bằng phiếu có chữ ký của nhân viên kho. Sau khi đối chiếu và xác nhận đúng với số lượng thực tế đơn hàng đã giao thì công ty T1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Theo thỏa thuận và phương thức thanh toán thì sau khi nhận hóa đơn trong vòng 30 ngày công ty M phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty T1 thông qua hình thức chuyển khoản, ngoài ra, các bên không có thỏa thuận nào khác. Hàng hóa mà công ty T1 bán cho công ty M được chốt bằng 04 hóa đơn giá trị gia tăng. Cụ thể các ngày 29/01/2022, ngày 26/02/2022, ngày 16/6/2022, ngày 30/6/2022. Tổng giá trị hàng là 256.194.500 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm đồng*). Công ty T1 đã nhiều lần liên hệ thanh toán nhưng công ty M cố tình lẩn tránh không thanh toán trả nợ cho công ty T1 số tiền trên. Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận theo Điều III của Hợp đồng nguyên tắc 0040/HĐNT 2022, ngày 02/01/2022 và vi phạm quy định tại Điều 55 Luật Thương mại. Công ty T1 khởi kiện yêu cầu công ty M có nghĩa vụ thanh toán trả nợ số tiền 256.194.500 đồng là có căn cứ. HĐXX chấp nhận.

[2.4] Ngày 17/6/2024 công ty T1 có đơn trình bày trong đó có nội dung rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi của số nợ gốc tính từ ngày 01/8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm của công ty T1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận.

[3] Yêu cầu khởi kiện của công ty T1 được chấp nhận nên công ty M phải chịu tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 256.194.500 đồng x 5%= 12.810.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 24, Điều 55, Luật Thương mại, Điều 398, Điều 401, Điều 429, Điều 430, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Một thành viên T1 về tiền lãi trên số nợ gốc 256.194.500 đồng tính từ ngày 01/8/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH Một thành viên T1. Buộc công ty TNHH M có nghĩa vụ thanh toán trả cho công ty TNHH Một thành viên T1 số tiền 256.194.500 đồng (*Hai trăm năm mươi sáu triệu, một trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M phải chịu 12.810.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho công ty TNHH Một thành viên T1 số tiền 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0003488, ngày 10/01/2024 tại Chi cục THADS huyện N, tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị Mỹ D1 nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Một thành viên T1 và Công ty TNHH M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- Dương sự;
- Hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Quý Long